TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H
---***---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/06/2023
" V/v: Ly hôn giữa chị T và anh K1"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH H
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế P
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ - Bà Lê Thị O.
2/ - Bà Vũ Thị T1.
Thư ký phiên tòa: - Bà Trần Thị T2 - Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: - Bà Lê Thị T3 – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15/06/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2023/HNGĐ-ST Ngày 06/04/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ Ngày 23/05/2023 về việc "Xin ly hôn" giữa:

***- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1978.

+ Sinh và trú quán: Thôn X, xã H1, huyện K, tỉnh H.

+ HKTT tại: Thôn X, xã H1, huyện K, tỉnh H. (Có mặt tại phiên tòa).

***- Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy K1- Sinh năm 1977.

+ Sinh, trú quán và HKTT tại: Thôn X, xã H1, huyện K, tỉnh H. (Vắng mặt tại phiên tòa).

***- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/- Cháu Nguyễn Thị T4 - Sinh năm 1999.

+ Trú tại: Số nhà C, ngõ N, tổ T5 quận L, thành phố H2. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2/- Cháu Nguyễn Thị V - Sinh ngày 19/09/2005.

+ Trú tại: Thôn X, xã H1, huyện K, tỉnh H. (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Người giám hộ cho cháu Nguyễn Thị V là anh Nguyễn Duy K1 và chị Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Duy K1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 vào năm 1999, trên cơ sở hai bên tự nguyện. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc bình thường được khoảng vài năm thì nảy sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm lối sống. Đến năm 2006 chị mang con về nhà đẻ sinh sống, nên từ đó đến nay, vợ chồng ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị xin được ly hôn với anh K1 vì không có hạnh phúc, tình cảm.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Duy K1 có hai con chung là cháu Nguyễn Thị T4 và cháu Nguyễn Thị V. Hiện nay cháu T4 đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng không đặt ra. Còn cháu V thì đang ở với chị. Nếu ly hôn thì chị xin được nuôi cháu V mà không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết phân chia.

Tại biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Thị V trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được tiếp tục ở với mẹ cháu.

Mặc dù Tòa án nhân dân huyện K đã nhiều lần báo đến Tòa án, đã hai lần thông báo và báo triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bị đơn anh Nguyễn Duy K1 đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt anh K1 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến và quan điểm trên đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng trong vụ án. Còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ vì đã nhiều lần vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Duy K1; Con chung: Giao cháu Nguyễn Thị V cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Duy K1 được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Tài sản chung và công nợ chung của anh Nguyễn Duy K1 và chị Nguyễn Thị T thì không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này; Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Việc anh Nguyễn Duy K1 và chị Nguyễn Thị T kết hôn có đăng ký là hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh chị đã nẩy sinh mâu thuẫn, sống ly thân nhau đã lâu, không quan tâm chăm sóc nhau. Cuộc sống gia đình đang ở tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Duy K1 để hai anh chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Do anh Nguyễn Duy K1 vắng mặt chưa có quan điểm và yêu cầu. Mặt khác xét thấy hiện nay cháu Nguyễn Thị V đã và đang ở với chị Nguyễn Thị T, Nguyện vọng của cháu V xin được ở với chị T. Cần giao cháu cháu V cho chị T tiếp tục nuôi. Do chị T không yêu cầu, nên việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Duy K1 được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Đối với cháu Nguyễn Thị T4 đã lớn trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng không đặt ra.

Về chia tài sản và công nợ chung: Do anh Nguyễn Duy K1 chưa có ý kiến và yêu cầu, còn chị Nguyễn Thị T thì không yêu cầu phân chia, nên Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án ly hôn này. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia tài sản thì làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Cần đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* - *Căn cứ*: - Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án.

*- *Xử :*

1. – Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Duy K1.

2. – Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị V cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Duy K1 được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Đối với cháu Nguyễn Thị T4 đã lớn trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng không đặt ra.

3. – Về chia tài sản và công nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. – Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng dự phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0008206 ngày 06/04/2023 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Knên việc nộp án phí đã xong).

5.- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T (Có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/06/2023. Anh Nguyễn Duy K1, cháu Nguyễn Thị T4 và cháu Nguyễn Thị V (Đều vắng mặt tại phiên tòa) đều được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa phương nơi cư trú./

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Nơi nhận:
+ TAND& VKSND tỉnh H
+ VKSND& CC THADS huyện K.
+ UBND xã H1.
+ Các đương sự.
+ Lưu Hồ sơ, VP.

Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thế P